

phức tạp để tập trung chỉ đạo nhằm tạo ra những chuyển biến tích cực ở những nơi đó.

Phải thường xuyên bố trí đủ lực lượng làm nhiệm vụ giữ gìn trật tự giao thông trên các tuyến và địa bàn xung yếu.

3. Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Quốc phòng, Bộ Thủy sản và các ngành có phương tiện vận tải đường thủy ngay trong năm 1996 phải hoàn thành tổng kiểm tra, kiểm kê phương tiện chuyên ngành bao gồm từ việc đăng ký, đăng kiểm phương tiện đến bằng, chứng chỉ của người lái tàu, thuyền... với yêu cầu là mọi phương tiện hoạt động trên đường giao thông công cộng phải bảo đảm an toàn cho tài sản và con người.

4. Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức việc giải phóng hành lang bảo vệ đường sắt và đường thủy nội địa theo quy định hiện hành và áp dụng các biện pháp chống tái lấn chiếm có hiệu quả.

Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giao cho Ủy ban Nhân dân huyện (quận), xã (phường) nơi có đường sắt, đường thủy nội địa đi qua chịu trách nhiệm trước tiên về việc bảo vệ an toàn các công trình đường sắt, đường thủy nội địa trên địa bàn lãnh thổ, tổ chức việc phối hợp các lực lượng cảnh sát nhân dân, các đoàn thể quần chúng, trường học, cụm dân cư, hộ gia đình tham gia bảo vệ các công trình đường sắt, đường thủy nội địa.

5. Bộ Tài chính chuẩn bị đội ngũ cán bộ và các điều kiện để bố trí các điểm thu tiền phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường sắt và đường thủy nội địa phù hợp với đặc điểm hoạt động của từng ngành.

6. Các ngành, các cấp chính quyền địa phương liên quan đến hoạt động giao thông đường sắt và đường thủy nội địa phải tổ chức cho cán bộ, công nhân viên trong ngành, trong cơ quan quán triệt đầy đủ nội dung Nghị định của Chính phủ về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường sắt và đường thủy nội địa và tổ chức chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các Nghị định này; hàng tháng tổ chức kiểm điểm, đánh giá kết quả, rút kinh nghiệm và bổ sung các biện pháp thích hợp nhằm tạo chuyển biến tích cực về trật tự, an toàn giao thông nói chung trong cả nước.

7. Các cơ quan thông tin tuyên truyền, báo chí Trung ương và địa phương có nhiệm vụ tuyên truyền rộng rãi những nội dung cơ bản các quy định về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông

đường sắt và đường thủy nội địa bằng những hình thức phổ thông, dễ hiểu, dễ nhớ để toàn dân biết và nghiêm chỉnh thực hiện.

Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, các cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm khẩn trương tổ chức chỉ đạo thực hiện Chỉ thị này, thường xuyên báo cáo kết quả đạt được lên Thủ tướng Chính phủ.

Thủ tướng Chính phủ
VÕ VĂN KIỆT

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 462-TTg ngày 9-7-1996 về việc phê duyệt Điều lệ Quy hỗ trợ đầu tư Quốc gia.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật Khuyến khích đầu tư trong nước ngày 22 tháng 6 năm 1994;

Căn cứ Nghị định số 29-CP ngày 12-5-1995 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Khuyến khích đầu tư trong nước;*

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ hỗ trợ đầu tư Quốc gia,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.- Phê duyệt Điều lệ Quỹ hỗ trợ đầu tư Quốc gia ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2.- Quyết định này có hiệu lực từ ngày ban hành.

Điều 3.- Giao Bộ trưởng Bộ Tài chính, Chủ tịch Hội đồng Quản lý và Tổng Giám đốc Quỹ hỗ trợ đầu tư Quốc gia chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh,

thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

K.T. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng
PHAN VĂN KHAI

ĐIỀU LỆ Quỹ hỗ trợ đầu tư Quốc gia

(ban hành kèm theo Quyết định số 462-TTg ngày 9-7-1996 của Thủ tướng Chính phủ).

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.- Quỹ hỗ trợ đầu tư Quốc gia được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 808-TTg ngày 9-12-1995 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan.

Tên giao dịch quốc tế của Quỹ: National Investment Assistant Fund, viết tắt là NIAF.

Điều 2.- Quỹ hỗ trợ đầu tư Quốc gia là một tổ chức tài chính Nhà nước, hoạt động trên phạm vi cả nước. Quỹ có chức năng nuy động vốn của các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước; tiếp nhận các nguồn vốn đầu tư của Nhà nước để cho vay đối với các dự án đầu tư phát triển các ngành nghề thuộc diện ưu đãi của mọi thành phần kinh tế và các vùng có khó khăn theo quy định của Chính phủ.

Điều 3.- Quỹ hỗ trợ đầu tư Quốc gia là một pháp nhân, có Hội đồng Quản lý và cơ quan điều hành tác nghiệp, có vốn điều lệ khi thành lập là 1.100 tỷ VND (một nghìn một trăm tỷ đồng), có bằng cân đối, có con dấu, được mở tài khoản tại hệ thống Kho bạc Nhà nước, tại các Ngân hàng trong nước và nước ngoài. Trụ sở chính của Quỹ hỗ trợ đầu tư Quốc gia đặt tại thành phố Hà Nội. Quỹ có các chi nhánh ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương do Hội đồng Quản lý quyết định. Quỹ được đặt các văn phòng giao dịch ở nước ngoài khi cần thiết theo quy định của Chính phủ.

Điều 4.- Hoạt động của Quỹ hỗ trợ đầu tư Quốc gia không vì mục đích lợi nhuận, nhưng phải bảo đảm hoàn vốn và bù đắp chi phí quản lý. Quỹ được miễn thuế, miễn nộp khoản thu về sử dụng vốn Ngân sách Nhà nước để giảm lãi suất cho vay đối với các dự án đầu tư phát triển thuộc các ngành nghề ưu đãi và các vùng khó khăn theo quy định của Chính phủ.

Điều 5.- Quỹ hỗ trợ đầu tư Quốc gia đặt dưới quyền quản lý của Hội đồng Quản lý và quyền điều hành của Tổng Giám đốc.

Chương II

VỐN HOẠT ĐỘNG, QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ

VỐN HOẠT ĐỘNG

A. TIẾP NHẬN VÀ HUY ĐỘNG CÁC NGUỒN VỐN

1. Vốn điều lệ.

Điều 6.- Vốn điều lệ khi thành lập và tăng thêm của Quỹ hỗ trợ đầu tư Quốc gia được hình thành từ các nguồn sau đây:

1. Vốn do ngân sách Nhà nước cấp bằng 50% tổng số vốn điều lệ,

2. Vốn góp của các tổ chức bảo hiểm, tín dụng quốc doanh, doanh nghiệp nhà nước. Danh sách các tổ chức góp vốn và mức vốn góp do Bộ trưởng Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ quyết định;

3. Vốn góp tự nguyện của các cá nhân, các tổ chức trong và ngoài nước.

Điều 7.- Việc cấp và góp vốn điều lệ lần đầu và tăng vốn điều lệ nói tại điểm 1 và 2 Điều 6 của Điều lệ này do Hội đồng Quản lý đề nghị, Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ quyết định:

1. Đối với vốn cấp của Ngân sách Nhà nước được bố trí trong kế hoạch ngân sách hàng năm

2. Đối với vốn góp của các tổ chức bảo hiểm, tín dụng, doanh nghiệp nhà nước được lấy từ lợi nhuận sau thuế của năm hoạt động trước đó với mức tối thiểu là 3%.

2. Vốn nuy động.

Điều 8.- Quỹ hỗ trợ đầu tư Quốc gia được huy động và tiếp nhận các nguồn vốn sau đây:

1. Vốn vay trung và dài hạn của các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước;

2. ~~Tiếp nhận các nguồn vốn đầu tư của Nhà nước~~, bao gồm các khoản vay của Chính phủ và nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) để cho vay đối với các dự án được Chính phủ quy định;

3. Phát hành trái phiếu trung và dài hạn;

4. Nhận vốn ủy thác cho vay đầu tư phát triển của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;

5. Tiếp nhận các nguồn vốn của các tổ chức kinh tế, xã hội và cá nhân tự nguyện gửi Quỹ hỗ trợ đầu tư Quốc gia để đầu tư phát triển.

B. CHO VAY VÀ THU HỒI NỢ

Điều 9.- Đối tượng được Quỹ hỗ trợ đầu tư Quốc gia xem xét cho vay vốn là các dự án đầu tư trung hạn và dài hạn trong các ngành, nghề thuộc diện ưu đãi hoặc trong các vùng dân tộc thiểu số, miền núi, hải đảo và các vùng khó khăn khác theo quy định của Chính phủ.

Điều 10.- Các dự án đầu tư được xem xét cho vay vốn từ Quỹ hỗ trợ đầu tư Quốc gia phải đảm bảo các điều kiện:

1. Được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định hiện hành;

2. Được Bộ Kế hoạch và Đầu tư hoặc Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cấp giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư;

3. Có khả năng thu hồi vốn trực tiếp;

4. Phải có tài sản thế chấp hoặc bảo lãnh hoặc tín chấp theo quy định.

Điều 11.- Mức vốn cho vay từ Quỹ hỗ trợ đầu tư Quốc gia để thực hiện một dự án đầu tư tối đa không quá 50% tổng mức vốn đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trường hợp quá mức quy định này phải được Chủ tịch Hội đồng Quản lý xem xét quyết định.

Điều 12.- Lãi suất cho vay vốn của Quỹ hỗ trợ đầu tư Quốc gia.

a) Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh mới tại vùng dân tộc thiểu số, miền núi, hải đảo và các vùng khó khăn khác, được ưu tiên cho vay theo lãi suất ưu đãi do Chính phủ quy định;

b) Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh mới theo quy định tại Điều 9 và 11 của Luật Khuyến khích đầu tư trong nước, cho vay theo lãi suất do Hội đồng Quản lý quyết định theo nguyên tắc bảo đảm hoàn vốn và bù đắp chi phí quản lý.

Điều 13.- Thời hạn thu nợ (gốc và lãi) và thời điểm bắt đầu trả nợ (gốc và lãi) được xác định trong hợp đồng vay vốn.

Đến thời hạn trả nợ, chủ dự án không trả được nợ, Quỹ hỗ trợ đầu tư Quốc gia sẽ chuyển sang nợ quá hạn và chủ dự án bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 14.- Quỹ hỗ trợ đầu tư Quốc gia tổ chức việc cho vay và thanh toán khối lượng xây dựng cơ bản bao gồm xây lắp, thiết bị, chi phí khác về xây dựng cơ bản trực tiếp cho đơn vị nhận thầu, cung cấp thiết bị và chủ dự án.

Điều 15.- Quỹ hỗ trợ đầu tư Quốc gia không được đầu tư vốn ra nước ngoài.

II. QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA QUỸ HỖ TRỢ ĐẦU TƯ QUỐC GIA

Điều 16.- Quỹ hỗ trợ đầu tư Quốc gia có các quyền hạn sau đây về tổ chức quản lý và tài chính:

1. Quản lý, sử dụng vốn và tài sản được giao;

2. Được sử dụng bộ máy Tổng cục Đầu tư phát triển để điều hành hoạt động phù hợp với mục tiêu và nhiệm vụ được giao;

3. Phối hợp với các ngành, các cấp, các tổ chức tài chính, tín dụng trong nước và ngoài nước để huy động vốn cho vay đối với các dự án đầu tư phát triển có khả năng thu hồi vốn trong các ngành, nghề thuộc diện ưu đãi và các vùng có khó khăn theo quy định của Chính phủ;

4. Tổ chức quản lý và khai thác các nguồn lực nhằm tăng trưởng nguồn vốn cho vay hỗ trợ các dự án đầu tư phát triển;

5. Xây dựng, áp dụng các định mức quản lý, tính toán lãi suất cho vay đối với từng loại dự án đầu tư trong khuôn khổ nguồn vốn và chính sách của Chính phủ đối với các dự án đầu tư phát triển các ngành, nghề thuộc diện ưu đãi và các vùng có khó khăn theo quy định của Chính phủ;

6. Sau khi làm đủ nghĩa vụ trả lãi đối với các khoản vay, chi phí quản lý, quỹ dự phòng rủi ro nghiệp vụ, số còn lại được chia cho các thành viên góp vốn và trích lập các quỹ theo quy định tại Điều 37 của Điều lệ này;

7. Được Nhà nước bù đắp các rủi ro bất khả kháng;

8. Được miễn các loại thuế.

Điều 17.- Quỹ hỗ trợ đầu tư Quốc gia được yêu cầu chủ dự án cung cấp các thông tin về tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, tín dụng của doanh nghiệp. Có quyền kiểm tra việc thực hiện dự án và kiểm tra việc quản lý, sử dụng vốn vay. Nếu phát hiện chủ dự án sử dụng vốn sai mục đích, không có hiệu quả, Quỹ có quyền từ chối hoặc đình chỉ cấp tiền vay, thu hồi vốn vay, đồng thời thông báo cho cơ quan cấp trên của chủ dự án và các cơ quan liên quan để có biện pháp xử lý theo pháp luật.

Có quyền từ chối mọi yêu cầu cho vay vốn của các tổ chức, cá nhân trái với quy định của Điều lệ này.

Điều 18.- Trong quan hệ với Nhà nước, Quỹ hỗ trợ đầu tư Quốc gia có trách nhiệm:

1. Nhận và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn Nhà nước giao; thực hiện các quy định của Nhà nước về quản lý vốn và tài sản; chịu trách nhiệm về tính chính xác và hợp pháp các hoạt động tài chính của mình;

2. Tập trung vốn hỗ trợ các dự án đầu tư phát triển các ngành, nghề thuộc diện ưu đãi và các vùng có khó khăn theo quy định của Chính phủ;

3. Thực hiện đúng lãi suất cho vay theo quy định;

4. Thực hiện chế độ báo cáo thống kê, kế toán, báo cáo định kỳ theo quy định của Nhà nước, chịu trách nhiệm về tính chính xác các báo cáo đó;

5. Cung cấp các thông tin cần thiết để Nhà nước đánh giá đúng đắn và khách quan kết quả hoạt động của Quỹ;

6. Tuân thủ các quy định về thanh tra của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 19.- Quỹ hỗ trợ đầu tư Quốc gia phải:

1. Thực hiện đúng nội dung Điều lệ quy định, chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Nhà nước về kết quả hoạt động, và chịu trách nhiệm trước khách hàng về các nghiệp vụ do Quỹ hỗ trợ đầu tư Quốc gia thực hiện;

2. Xây dựng kế hoạch hoạt động hàng năm, 5 năm phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước và nhiệm vụ được giao;

3. Đổi mới phương thức quản lý và hiện đại hóa công nghệ hoạt động nghiệp vụ của Quỹ;

4. Thực hiện các khoản trả lãi, thu hồi vốn và lãi cho các chủ sở hữu vốn ủy thác Quỹ hỗ trợ đầu tư Quốc gia cho vay.

III. NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN LỢI CỦA CÁC THÀNH VIÊN GÓP VỐN ĐIỀU LỆ QUỸ HỖ TRỢ ĐẦU TƯ QUỐC GIA

Điều 20.- Thành viên góp vốn điều lệ Quỹ hỗ trợ đầu tư Quốc gia có nghĩa vụ và quyền lợi sau đây:

1. Góp đủ vốn điều lệ cho Quỹ trong phạm vi 3 tháng kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ ra quyết định;

2. Được tham gia ý kiến về chính sách, cơ chế huy động, sử dụng vốn và cơ chế tài chính của Quỹ hỗ trợ đầu tư Quốc gia; được tham dự cuộc họp thường niên để nghe thông báo về kết quả hoạt động của Quỹ; được cung cấp thông tin cần thiết về tình hình hoạt động của Quỹ;

3. Được xem xét cho vay vốn khi có nhu cầu phù hợp với cơ chế cho vay của Quỹ hỗ trợ đầu tư Quốc gia.

Chương III

TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU HÀNH QUỸ HỖ TRỢ ĐẦU TƯ QUỐC GIA

Điều 21.- Việc quản lý Quỹ hỗ trợ đầu tư Quốc gia do Hội đồng Quản lý đảm nhiệm. Hội đồng Quản lý có quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

1. Xem xét và thông qua phương hướng hoạt động, cơ chế, chính sách huy động vốn và cho vay, kế hoạch tài chính và thẩm tra báo cáo quyết toán của Quỹ hỗ trợ đầu tư Quốc gia;

2. Giám sát, kiểm tra cơ quan điều hành Quỹ trong việc thực hiện Điều lệ Quỹ hỗ trợ đầu tư Quốc gia và các quyết định của Hội đồng Quản lý;

3. Trình các cơ quan có thẩm quyền bổ sung, sửa đổi Điều lệ, chính sách, cơ chế hoạt động của Quỹ hỗ trợ đầu tư Quốc gia;

4. Xem xét báo cáo của Ban Kiểm soát;

5. Xem xét và giải quyết các khiếu nại của các thành viên góp vốn, các tổ chức vay vốn Quỹ hỗ trợ đầu tư Quốc gia;

6. Được sử dụng con dấu của Quỹ hỗ trợ đầu tư Quốc gia trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng;

7. Chịu trách nhiệm về vật chất - hành chính pháp luật đối với các cam kết giữa Quỹ hỗ trợ đầu tư Quốc gia và các bên có liên quan.

09651336

www.ThuVienPhapLuat.com * Tel: +84-8-3845 6684 * LawSoft

Điều 22.- Thành viên Hội đồng Quản lý Quỹ hỗ trợ đầu tư Quốc gia bao gồm đại diện có thẩm quyền của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban Dân tộc và Miền núi, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Tổng cục trưởng Tổng cục Đầu tư phát triển và đại diện một số tổ chức trong nước có góp vốn Điều lệ cho Quỹ hỗ trợ đầu tư Quốc gia. Hội đồng Quản lý có Chủ tịch và một số Phó Chủ tịch, trong đó có một Phó Chủ tịch thường trực. Việc bổ nhiệm và miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản lý do Bộ trưởng Bộ Tài chính đề nghị, Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Điều 23.- Quy chế làm việc của Hội đồng Quản lý.

1. Hội đồng Quản lý làm việc theo chế độ tập thể, họp thường kỳ 3 tháng 1 lần để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của mình.

2. Hội đồng Quản lý có thể họp bất thường để giải quyết các vấn đề cấp bách theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng, Trưởng ban Ban Kiểm soát, 2/3 số thành viên Hội đồng Quản lý hoặc Tổng Giám đốc.

3. Các cuộc họp của Hội đồng Quản lý phải có 2/3 số thành viên Hội đồng Quản lý tham dự, do Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch (nếu vắng Chủ tịch) chủ tọa. Hội đồng Quản lý quyết định các vấn đề theo đa số thành viên Hội đồng Quản lý; trường hợp số phiếu ngang nhau thì bên nào có phiếu của người chủ tọa cuộc họp là quyết định.

Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản lý có hiệu lực thi hành đối với Quỹ hỗ trợ đầu tư Quốc gia. Tổng Giám đốc Quỹ hỗ trợ đầu tư Quốc gia có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định nói trên.

4. Hội đồng Quản lý ban hành Quy chế làm việc nội bộ của Hội đồng, chế độ báo cáo của Hội đồng và phân công nhiệm vụ đối với các thành viên.

Điều 24.- Phương tiện làm việc và kinh phí hoạt động của Hội đồng Quản lý được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ. Các thành viên Hội đồng Quản lý được hưởng phụ cấp và các quyền lợi khác theo quy định như thành viên Hội đồng Quản trị của doanh nghiệp nhà nước có Hội đồng Quản trị.

Điều 25.- Hội đồng Quản lý Quỹ hỗ trợ đầu tư Quốc gia có thường trực Hội đồng Quản lý và thư ký do Hội đồng Quản lý cử. Khi cần thiết Hội đồng Quản lý có thể thành lập Tổ tư vấn giúp Hội đồng Quản lý nghiên cứu, đề xuất các chủ trương, chính sách và cơ chế nghiệp vụ của Quỹ hỗ trợ đầu tư Quốc gia.

Điều 26.- Thường trực Hội đồng Quản lý do Chủ tịch và Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng Quản lý đảm nhiệm.

Thường trực Hội đồng Quản lý có quyền hạn và trách nhiệm:

1. Giải quyết các công việc do Tổng Giám đốc điều hành đề nghị ngoài thẩm quyền giải quyết của Tổng Giám đốc;

2. Tổ chức chỉ đạo thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản lý về các nhiệm vụ được ghi tại Điều 23 của Điều lệ này;

3. Tổ chức nghiên cứu, dự thảo các văn bản hướng dẫn chỉ đạo; chuẩn bị nội dung, chương trình nghị sự các cuộc họp của Hội đồng Quản lý;

4. Chịu trách nhiệm cá nhân về vật chất - hành chính - pháp luật trong các quyết định của mình;

5. Thường trực Hội đồng Quản lý họp mỗi tháng 1 lần để nghe Tổng Giám đốc điều hành báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ và chương trình hoạt động kỳ sau;

6. Thường trực Hội đồng Quản lý họp bất thường nếu thấy cần thiết và có quyền triệu tập các thành viên Hội đồng Quản lý có liên quan để giải quyết các công việc đột xuất.

Điều 27.- Thư ký Hội đồng Quản lý do Hội đồng Quản lý cử có trách nhiệm và quyền hạn:

1. Ghi chép biên bản trong các kỳ họp Hội đồng Quản lý, thường trực Hội đồng Quản lý;

2. Soạn thảo các nghị quyết, quyết định, thông báo của các kỳ họp trình Chủ tịch Hội đồng Quản lý hoặc thường trực Hội đồng Quản lý ký;

3. Chuẩn bị các điều kiện, phương tiện cần thiết cho hội nghị Hội đồng Quản lý và thường trực Hội đồng Quản lý:

a) Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu cho cuộc họp;

b) Thừa lệnh Chủ tịch Hội đồng Quản lý triệu tập các thành viên;

c) Dự toán kinh phí cho các kỳ họp.

Điều 28.- Kiểm soát các hoạt động của Quỹ hỗ trợ đầu tư Quốc gia là Ban Kiểm soát. Trưởng và Phó Trưởng ban Ban Kiểm soát do Hội đồng Quản lý đề nghị Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định.

Ban Kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn:

1. Kiểm tra, giám sát việc chấp hành chủ trương, chính sách, chế độ, thể lệ nghiệp vụ trong hoạt động của Quỹ hỗ trợ đầu tư Quốc gia nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Quỹ, bảo đảm an toàn tài sản Nhà nước, tài sản của Quỹ và của khách hàng. Báo cáo và kiến nghị công việc của mình với Hội đồng Quản lý;

2. Tiến hành công việc một cách độc lập theo chương trình đã được Hội đồng Quản lý thông qua;
3. Có trách nhiệm trình bày báo cáo, kiến nghị của mình về kết quả kiểm soát, báo cáo thẩm định về quyết toán tài chính tại các cuộc họp của Hội đồng Quản lý nhưng không được biểu quyết;
4. Không được tiết lộ kết quả kiểm tra, kiểm soát khi chưa được Hội đồng Quản lý và cơ quan điều hành Quỹ hỗ trợ đầu tư Quốc gia cho phép.

Điều 29.- Tổ chức điều hành Quỹ hỗ trợ đầu tư Quốc gia.

1. Tổng cục trưởng Tổng cục Đầu tư phát triển làm Tổng Giám đốc Quỹ hỗ trợ đầu tư Quốc gia. Tổng Giám đốc được sử dụng bộ máy nghiệp vụ của Tổng cục Đầu tư phát triển để điều hành hoạt động của Quỹ hỗ trợ đầu tư Quốc gia.

Tổng Giám đốc là đại diện pháp nhân của Quỹ hỗ trợ đầu tư Quốc gia, chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản lý, Bộ trưởng Bộ Tài chính và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động nghiệp vụ của Quỹ hỗ trợ đầu tư Quốc gia.

Giúp Tổng Giám đốc điều hành Quỹ hỗ trợ đầu tư Quốc gia có các Phó Tổng Giám đốc, trong đó có 1 Phó Tổng Giám đốc thường trực và một số bộ phận chuyên môn. Các bộ phận chuyên môn do Hội đồng Quản lý quy định. Bộ trưởng Bộ Tài chính bổ nhiệm và miễn nhiệm các Phó Tổng Giám đốc theo đề nghị của Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc bổ nhiệm và miễn nhiệm Trưởng, Phó các bộ phận chuyên môn phù hợp với sự phân cấp quản lý cán bộ của Bộ Tài chính.

2. Tổng Giám đốc Quỹ hỗ trợ đầu tư Quốc gia có các nhiệm vụ và quyền hạn:

- a) Điều hành và quản lý các hoạt động của Quỹ hỗ trợ đầu tư Quốc gia theo dung Điều lệ của Quỹ, pháp luật của Nhà nước và các quyết định của Hội đồng Quản lý (bao gồm huy động vốn, cho vay vốn, thu nợ, thu lãi vay);
- b) Ban hành Quy chế nghiệp vụ của Quỹ hỗ trợ đầu tư Quốc gia;
- c) Ký các văn bản thuộc trách nhiệm điều hành của Tổng Giám đốc và chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trước Hội đồng Quản lý, Bộ trưởng Bộ Tài chính;
- d) Được phép đại diện cho Quỹ hỗ trợ đầu tư Quốc gia trong các quan hệ trong nước và quốc tế;
- e) Thực hiện báo cáo định kỳ về tình hình huy động vốn, cho vay, thu hồi nợ và các hoạt động của Quỹ hỗ trợ đầu tư Quốc gia cho Hội đồng Quản lý và Bộ Tài chính;

g) Trực tiếp quản lý tài sản, vốn hoạt động và chịu trách nhiệm bảo toàn phát triển vốn, tài sản của Quỹ;

h) Đại diện pháp nhân của Quỹ trước pháp luật trong việc tố tụng, tranh chấp, thanh lý, giải thể và những vấn đề thuộc điều hành tác nghiệp Quỹ hỗ trợ đầu tư Quốc gia.

Điều 30.- Tổng Giám đốc điều hành Quỹ hỗ trợ đầu tư Quốc gia được tổ chức cơ quan điều hành ở Trung ương và địa phương:

1. Cơ quan điều hành Quỹ hỗ trợ đầu tư Quốc gia ở Trung ương là Văn phòng Trung ương Quỹ hỗ trợ đầu tư Quốc gia;

2. Cơ quan điều hành Quỹ hỗ trợ đầu tư Quốc gia ở địa phương là các chi nhánh do Cục trưởng Cục Đầu tư phát triển tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương làm Giám đốc, giúp việc Giám đốc có một số Phó Giám đốc. Giám đốc chi nhánh sử dụng bộ máy của Cục Đầu tư phát triển để thực hiện nhiệm vụ được giao.

Cơ quan điều hành ở Trung ương và ở tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương của Quỹ hỗ trợ đầu tư Quốc gia là đại diện pháp nhân, có con dấu và được mở tài khoản cho các chủ dự án vay vốn để giao dịch theo sự phân cấp của Tổng Giám đốc Quỹ hỗ trợ đầu tư Quốc gia.

Chương IV

QUAN HỆ CỦA QUỸ HỖ TRỢ ĐẦU TƯ QUỐC GIA VỚI KHÁCH HÀNG VÀ CÁC TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN

Điều 31.- Quan hệ với khách hàng (người đi vay và người cho vay)

1. Quỹ hỗ trợ đầu tư Quốc gia chịu trách nhiệm với khách hàng:

- a) Về vật chất đối với tài sản, tiền vốn của khách hàng do Quỹ hỗ trợ đầu tư Quốc gia sử dụng;
- b) Giữ bí mật số liệu, tạo thuận lợi cho hoạt động của khách hàng với Quỹ theo quy định của pháp luật;
- c) Thực hiện đúng các cam kết cho vay vốn đối với chủ dự án.

2. Khách hàng chịu trách nhiệm với Quỹ hỗ trợ đầu tư Quốc gia:

- a) Thực hiện đúng các quy chế nghiệp vụ về huy động vốn, cho vay của Quỹ hỗ trợ đầu tư Quốc gia;
- b) Sử dụng vốn đúng mục đích, hoàn trả nợ cả gốc và lãi đúng kỳ hạn.

Điều 32. - Quan hệ với các tổ chức tín dụng.

1. Theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, cùng có lợi trên cơ sở hợp đồng;
2. Làm đại lý, ủy nhiệm nhận vốn và cho vay đối với khách hàng;
3. Hợp tác, thúc đẩy và hỗ trợ nhau phát triển bằng việc sử dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, nghiệp vụ quản lý trong hoạt động của mỗi tổ chức.

Điều 33. - Quan hệ với các tổ chức Quốc tế, Quốc gia, các tổ chức phi Chính phủ và các cá nhân trong và ngoài nước.

Quý hỗ trợ đầu tư Quốc gia được trực tiếp đàm phán, ký kết các hợp đồng vay vốn, nhận tài trợ, đào tạo nhân viên, tham gia các hoạt động hỗ trợ đầu tư phát triển các ngành, nghề thuộc diện ưu đãi và các vùng khó khăn theo quy định của Chính phủ trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác và cùng có lợi, theo đúng pháp luật Việt Nam.

Chương V

HẠCH TOÁN - THU NHẬP - LẬP QUỸ

Điều 34. - Quý hỗ trợ đầu tư Quốc gia tổ chức công tác kế toán, tài chính theo đúng pháp luật và các quy định của Nhà nước.

Điều 35. - Năm tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Điều 36. - Kết quả hoạt động tài chính của Quý là số chênh lệch giữa tổng số thu nhập và tổng số chi phí:

1. Tổng số thu nhập gồm thu lãi cho vay, lãi tiền gửi, phí dịch vụ và các khoản thu nhập khác;
2. Tổng số chi gồm chi trả lãi huy động vốn, chi phí quản lý và các khoản chi khác.

Mức phí, chi phí quản lý và các khoản chi khác do Tổng Giám đốc điều hành đề nghị Hội đồng Quản lý Quý hỗ trợ đầu tư Quốc gia phê duyệt phù hợp với chế độ tài chính của Nhà nước.

Điều 37. - Kết quả tài chính của Quý được xử lý theo hướng.

1. Trường hợp thu lớn hơn chi, Quý hỗ trợ đầu tư Quốc gia được lập quỹ và phân chia như sau:
 - Quý dự phòng rủi ro nghiệp vụ 25% cho tới khi bằng 100% vốn điều lệ;
 - Quý dự trữ bổ sung vốn điều lệ 15%;
 - Quý phát triển kỹ thuật nghiệp vụ 15%;

- Chia lãi cho các thành viên góp vốn từ 30 đến 35%;

Số còn lại được lập quỹ khen thưởng và phúc lợi theo quy định của chế độ tài chính đối với Quý.

2. Trường hợp thu nhỏ hơn chi, Quý hỗ trợ đầu tư Quốc gia phải sử dụng các quỹ hiện có nói tại điểm 1 Điều này để tự bù đắp. Sau khi đã sử dụng hết các quỹ vẫn không bù đắp đủ thì báo cáo Bộ Tài chính xem xét trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Chương VI

XỬ LÝ TRANH CHẤP VÀ GIẢI THỂ

Điều 38. - Mọi tranh chấp giữa Quý hỗ trợ đầu tư Quốc gia với pháp nhân và thể nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động của Quý hỗ trợ đầu tư Quốc gia được xử lý theo pháp luật hiện hành của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 39. - Việc tổ chức lại hoặc giải thể Quý hỗ trợ đầu tư Quốc gia do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 40. - Bộ Tài chính có trách nhiệm:

1. Thực hiện chức năng quản lý Nhà nước đối với hoạt động của Quý hỗ trợ đầu tư Quốc gia;
2. Đại diện chủ sở hữu đối với phần vốn ngân sách Nhà nước theo quy định của Chính phủ;
3. Xem xét bổ sung vốn và hỗ trợ tài chính cần thiết khi gặp rủi ro;
4. Thực hiện miễn các loại thuế cho hoạt động nghiệp vụ của Quý.

Điều 41. - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có trách nhiệm quản lý Nhà nước về chính sách tiền tệ, tín dụng, dịch vụ Ngân hàng đối với Quý hỗ trợ đầu tư Quốc gia.

Điều 42. - Bộ Kế hoạch và Đầu tư giúp Chính phủ thực hiện chức năng quản lý Nhà nước và khuyến khích đầu tư trong nước; xây dựng trình Chính phủ quyết định bổ sung, thay đổi danh mục các ngành, nghề và phạm vi các vùng được hưởng ưu đãi đầu tư. Quyết định cấp hoặc từ chối cấp chứng nhận ưu đãi đầu tư cho các dự án do

Thủ tướng Chính phủ quyết định đề Quý hỗ trợ đầu tư Quốc gia xem xét cho vay vốn.

Điều 43.- Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cơ trách nhiệm thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về đầu tư trên địa bàn theo quy định của pháp luật, xác định danh mục dự án đầu tư ưu đãi và quyết định theo thẩm quyền việc cấp hoặc từ chối cấp chứng nhận ưu đãi đầu tư, đề Quý hỗ trợ đầu tư Quốc gia xem xét cho vay vốn.

Điều 44.- Điều lệ này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quý hỗ trợ đầu tư Quốc gia phải được Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn.

Điều 45.- Bộ trưởng Bộ Tài chính, Chủ tịch Hội đồng Quản lý và Tổng Giám đốc Quý hỗ trợ đầu tư Quốc gia chịu trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thi hành Điều lệ này.

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 477-TTg ngày 24-7-1996 về việc nâng cấp Trường Trung học Sư phạm nhà trẻ - mẫu giáo Trung ương II thành Trường Cao đẳng Sư phạm nhà trẻ - mẫu giáo Trung ương II.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Nghị định số 15-CP ngày 2-3-1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý Nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 90-CP ngày 24-11-1993 của Chính phủ quy định cơ cấu khung của hệ thống giáo dục quốc dân, hệ thống văn bằng, chứng chỉ về giáo dục và đào tạo của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Công văn số 879-KHHC ngày 14-2-1996,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.- Nâng cấp Trường Trung học Sư phạm nhà trẻ - mẫu giáo Trung ương II thành Trường Cao đẳng Sư phạm nhà trẻ - mẫu giáo Trung ương II.

Điều 2.- Trường Cao đẳng Sư phạm nhà trẻ - mẫu giáo Trung ương II có nhiệm vụ đào tạo và bồi dưỡng cán bộ trình độ cao đẳng, nghiên cứu khoa học phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế xã hội.

Điều 3.- Trường Cao đẳng Sư phạm nhà trẻ - mẫu giáo Trung ương II trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, được hưởng các chính sách, chế độ do Nhà nước ban hành cho hệ thống các trường đại học và cao đẳng.

Điều 4.- Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 5.- Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó Thủ tướng

NGUYỄN KHÁNH

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 478-TTg ngày 24-7-1996 về việc nâng cấp Trường Kinh tế - Kỹ thuật công nghiệp nhẹ thành Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật công nghiệp nhẹ.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Nghị định số 15-CP ngày 2-3-1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý Nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 90-CP ngày 24-11-1993 của Chính phủ quy định cơ cấu khung của hệ thống giáo dục quốc dân, hệ thống văn bằng, chứng chỉ về giáo dục và đào tạo của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

09651336

www.ThuvienPhapLuat.com * Tel: +84-8-3845 6684

LawSoft